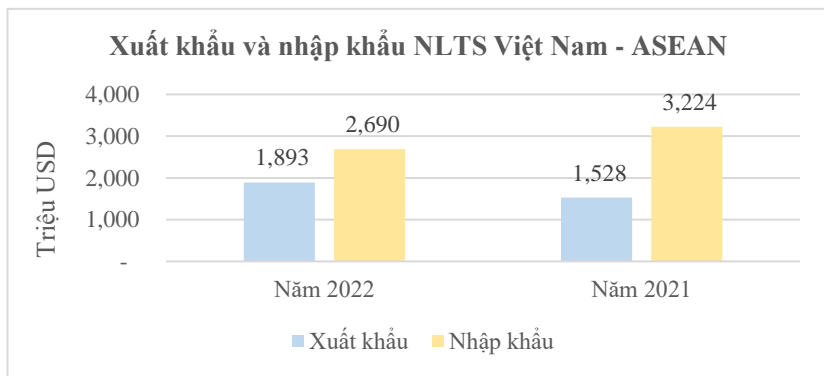


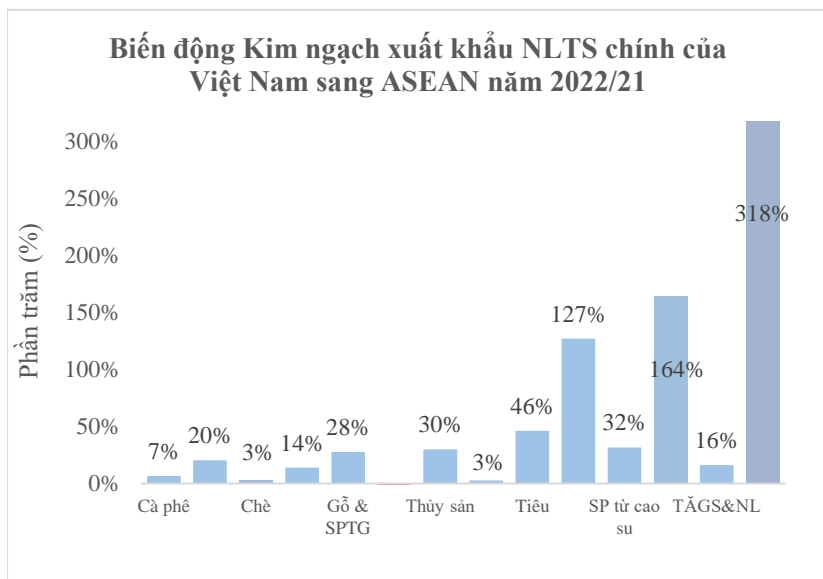
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường ASEAN



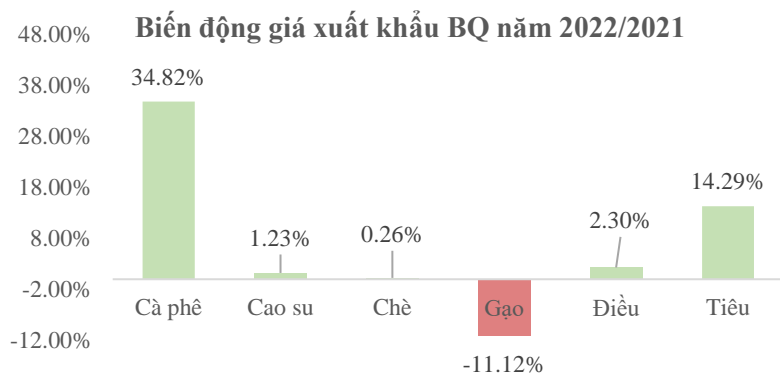
### So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (5T/ 2022 – 5T/ 2021)

- Xuất khẩu ▲ 23,93%
- Nhập khẩu ▼ 16,54%



### So sánh 5T-2022/ 2021

- Cà phê ▲ 6,55%
- Cao su ▲ 20,43%
- Chè ▲ 2,85%
- Gạo ▲ 13,82%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 27,75%
- Rau quả ▼ 1,06%
- Thủy sản ▲ 29,91%
- Hạt điều ▲ 2,66%
- Hạt tiêu ▲ 46,28%
- Phân bón ▲ 127,04%
- SP từ cao su ▲ 31,68%
- Sắn & SP sắn ▲ 164,14%
- TĂGS và NL ▲ 16,26%
- Thịt và SP thịt ▲ 318,10%



### So sánh giá xuất khẩu BQ T5-2022/2021

- Cà phê ▲ 34,82%
- Cao su ▲ 1,23%
- Chè ▲ 0,26%
- Gạo ▼ 13,21%
- Hạt điều ▲ 2,30%
- Hạt tiêu ▲ 14,29%

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trong 5 tháng đầu năm, xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm 17,47% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt hơn 1,8 tỷ USD, tăng 23,93% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu đạt 3,2 tỷ USD, giảm 616,54% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 5/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 491,5 triệu USD, tăng 22,75% so với tháng trước và tăng 41,69% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 5/2022 là gạo (chiếm 40%), thủy sản, phân bón các loại (chiếm 14%), cà phê (chiếm 9%); thức ăn gia súc (chiếm 7%); gỗ và sản phẩm gỗ và hàng rau quả (chiếm 6%). So với tháng 5/2021, có 11/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là phân bón các loại (tăng 151,39%), hàng rau quả (66,88%); thủy sản (41,64%); gạo (37,04%). Trong khi đó, có 2/13 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, giảm nhiều nhất là hạt điều (giảm 13,41%); sản phẩm từ cao su (giảm 11,68%). *Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Xuất khẩu rau của Campuchia đạt 39,82 tấn trong 5 tháng đầu năm 2022, tăng 9,22% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường xuất khẩu lớn nhất là Pháp với khối lượng 39,78 tấn (chiếm 99,9% tổng khối lượng xuất khẩu rau), tiếp đến là NewZealand (0,04 tấn). Ngày 8/6/2022, Đại sứ quán Philippines tại Tokyo đã yêu cầu Hiệp hội các nhà bán lẻ Nhật Bản hợp tác điều chỉnh giá chuỗi do chi phí sản xuất và chi phí logistics tăng cao đang đè nặng lên người sản xuất chuối Philippines.

Theo ANRPC, qua số liệu thống kê sơ bộ, trong năm 2021, sản lượng cao su thiên nhiên trên thế giới chỉ đạt hơn 13,8 triệu tấn, trong khi nhu cầu là hơn 14 triệu tấn. Mức thâm hụt lên tới khoảng 200 nghìn tấn. ANRPC dự báo nguồn cung cao su toàn cầu đang tiếp tục thiếu hụt so với nhu cầu và sẽ gia tăng thiếu hụt trong những năm tiếp theo cho đến năm 2028, thậm chí có thể kéo dài đến năm 2031 do khoảng cách cung và cầu ngày càng lớn.

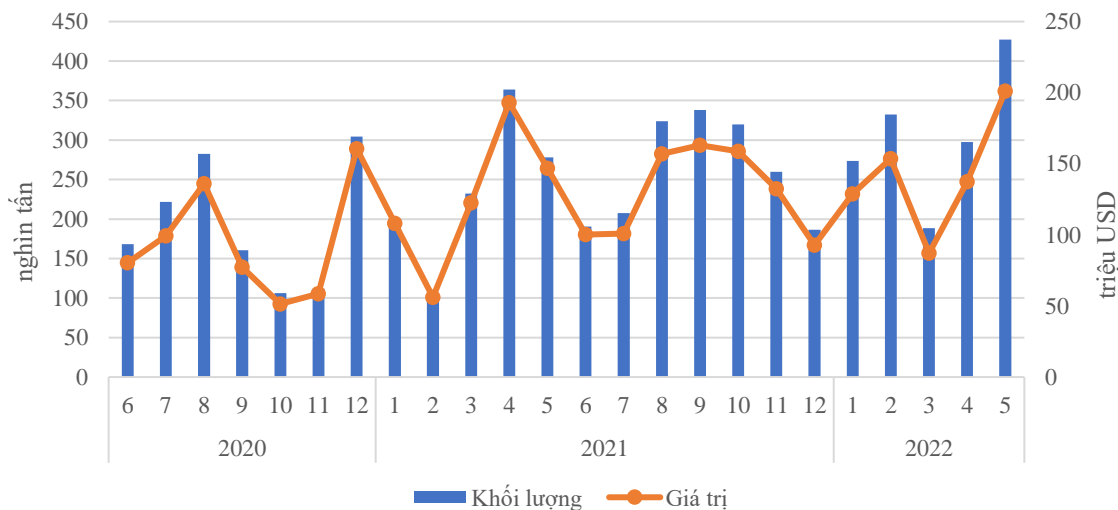
Theo số liệu của Cục Thống kê Trung ương Indonesia (BPS), năm 2021, lượng hồ tiêu xuất khẩu của Indonesia đã giảm xuống mức thấp nhất trong 7 năm qua khi chỉ đạt 37.738 tấn với kim ngạch 166,8 triệu USD. Những thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Indonesia trong năm vừa qua là Việt Nam (8.285 tấn), Mỹ (5.294 tấn) và Trung Quốc (4.908 tấn). Tuy nhiên, so với năm 2020 lượng hồ tiêu xuất khẩu của Indonesia sang các thị trường kể trên đã giảm lần lượt là 60,7%, 20,3% và 56,8%.

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 427,3 nghìn tấn gạo, trị giá 201,1 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 43,6% về khối lượng và 46,5% về giá trị so với tháng trước; và tăng 53,6% về khối lượng và 36,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 1518,6 nghìn tấn, trị giá 708,0 triệu USD, tăng 28,9% về khối lượng và 13,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021...

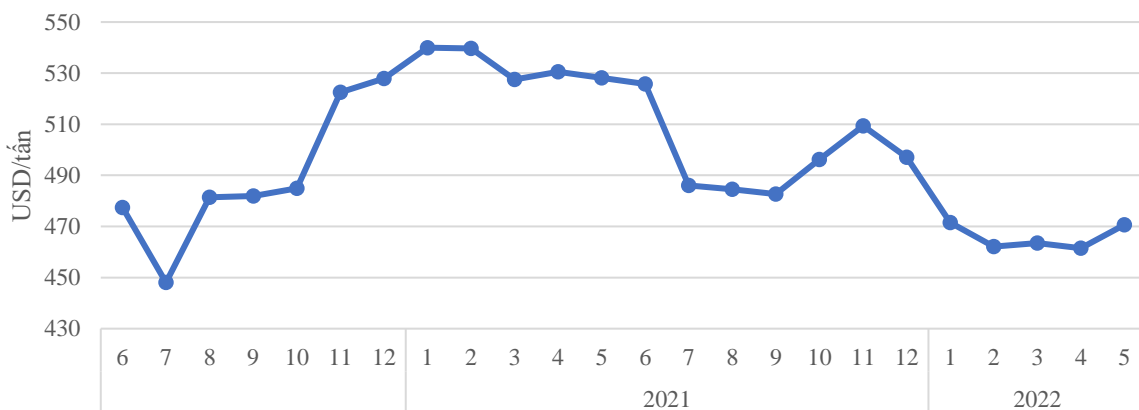
**Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 4/2022 đạt 461,5 USD/tấn, giảm 0,4% so với tháng trước và giảm 13,0% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2. Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN**

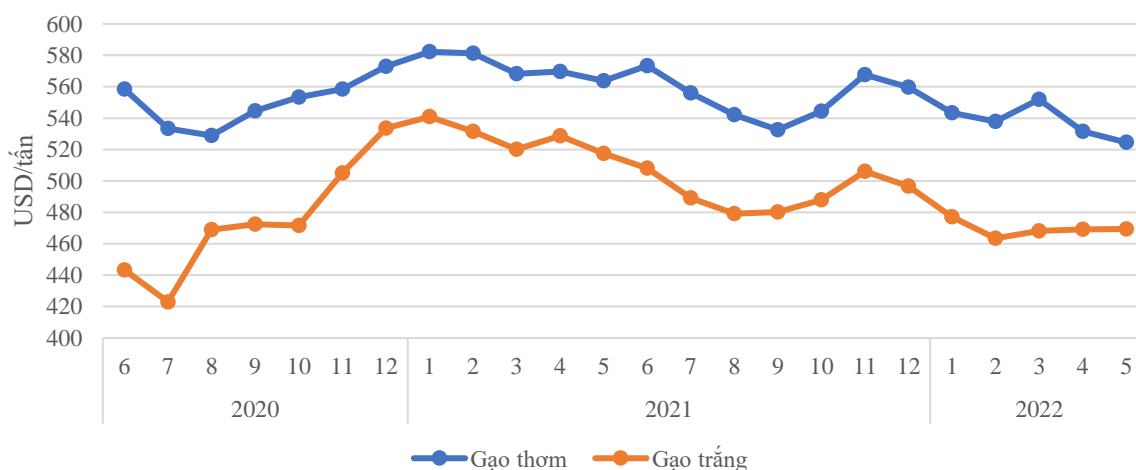


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 5/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN đạt 257,8 nghìn tấn, trị giá 119,0 triệu USD, chiếm 60,3% về khối lượng và 59,2% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã tăng 85,3% về khối lượng và 63,5% về giá trị.

Giá gạo trắng tháng 5/2022 đạt trung bình 469,5 USD/tấn, tăng 0,04% so với tháng trước nhưng giảm 9,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 524,6 USD/tấn, giảm 1,3% so với tháng trước và 6,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3. Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN**



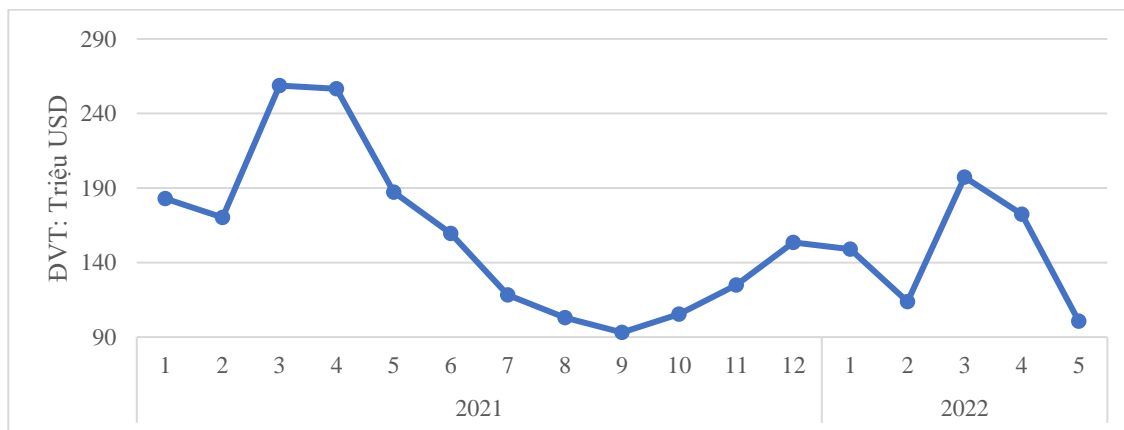
Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 2. RAU QUẢ

Theo Thông báo của Tổng cục Hải quan Trung Quốc vào ngày 14/6/2022, mặt hàng chuối xanh của Myanmar ngay lập tức được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc nếu đáp ứng các quy định liên quan trong Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với chuối Myanmar xuất khẩu sang Trung Quốc. Theo đó, chuối xanh phải được thu hoạch trong vòng 10-11 tuần sau khi ra hoa và bất kỳ loại chuối có màu vàng sẽ không được nhập khẩu vào Trung Quốc.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 5 năm 2022 đạt 28,3 triệu USD, chiếm 10,9% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 20,8% so với tháng trước và tăng 58,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 114,8 triệu USD, chiếm 8,0% thị phần, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN**

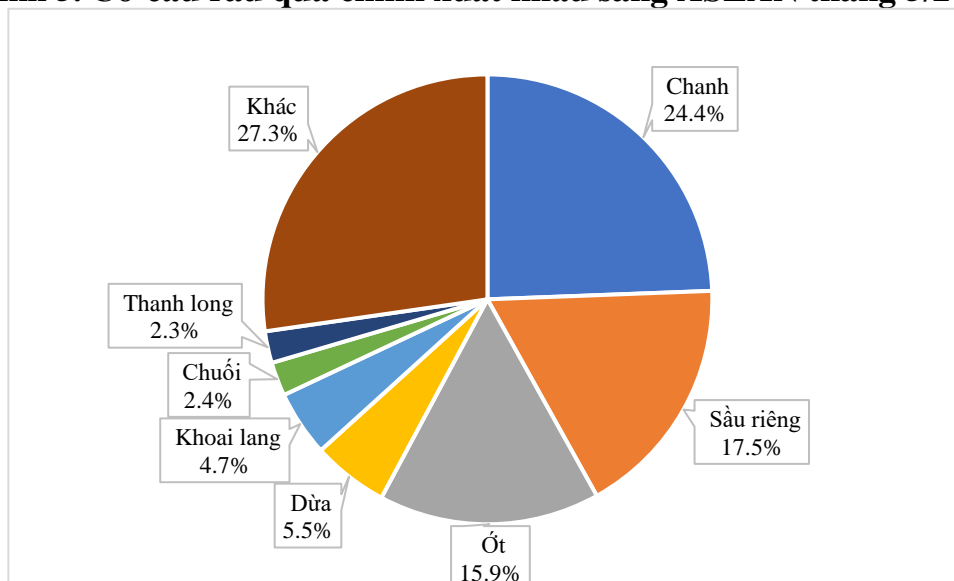


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 5 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 24,9 triệu USD (chiếm 87,9% thị phần, tăng 62,3% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 3,4 triệu USD (chiếm 12,1% thị phần), tăng 33,8%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 1,3 triệu USD (tăng 25,6% so với cùng kỳ năm trước); (ii) rau chế biến (không đông lạnh – Mã HS:2005) đạt 862,9 nghìn USD (tăng 76,5%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 632,2 nghìn USD (tăng 8,5%); v.v.

Trong tháng 5 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: chanh đạt 6,9 triệu USD (chiếm 24,4% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 109,9% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt gần 5 triệu USD (chiếm 17,5%), cao gấp 9 lần; ớt các loại đạt 4,5 triệu USD (chiếm 15,9%), tăng 203,7%; dứa đạt 1,5 triệu USD (chiếm 5,5%), giảm 39,2%; khoai lang đạt 1,3 triệu USD (chiếm 4,7%), giảm 42,0%; chuối đạt 688,7 nghìn USD (chiếm 2,3%), tăng 10,8%; v.v.

**Hình 5. Cơ cấu rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN tháng 5/2022**



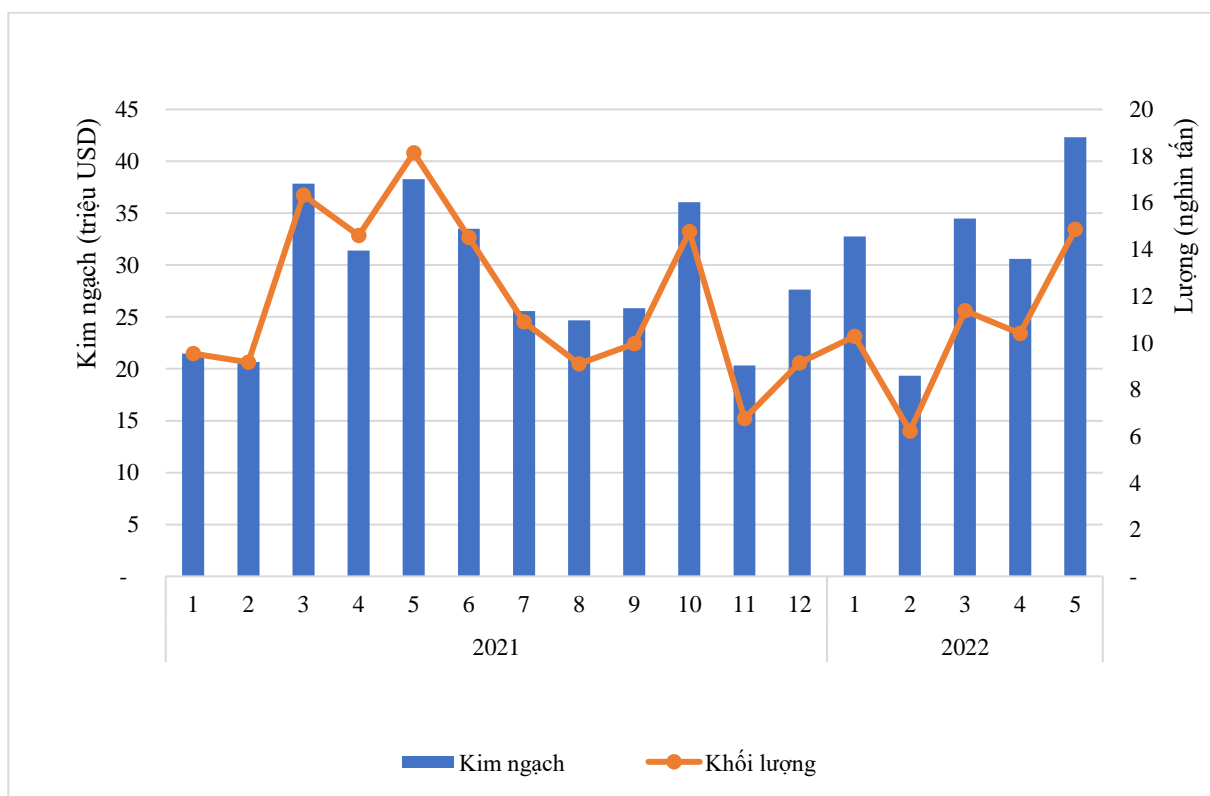
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 5 năm 2022 đạt 21,3 triệu USD, chiếm 12,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 126,4 triệu USD, chiếm 35,4% thị phần, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 5/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: đậu xanh đạt 14,8 triệu USD (chiếm 69,5%), tăng 75,3% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt gần 1,0 triệu USD (chiếm 4,7%), giảm 62,4%; dứa đạt 592 nghìn USD (chiếm 2,8%), giảm 76,7%; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 05/2022 ước đạt 14,9 nghìn tấn với trị giá 42,3 triệu USD, tăng 42,8% về lượng và 38,3% về giá trị so với tháng trước, và giảm 18,0% về lượng nhưng tăng 10,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

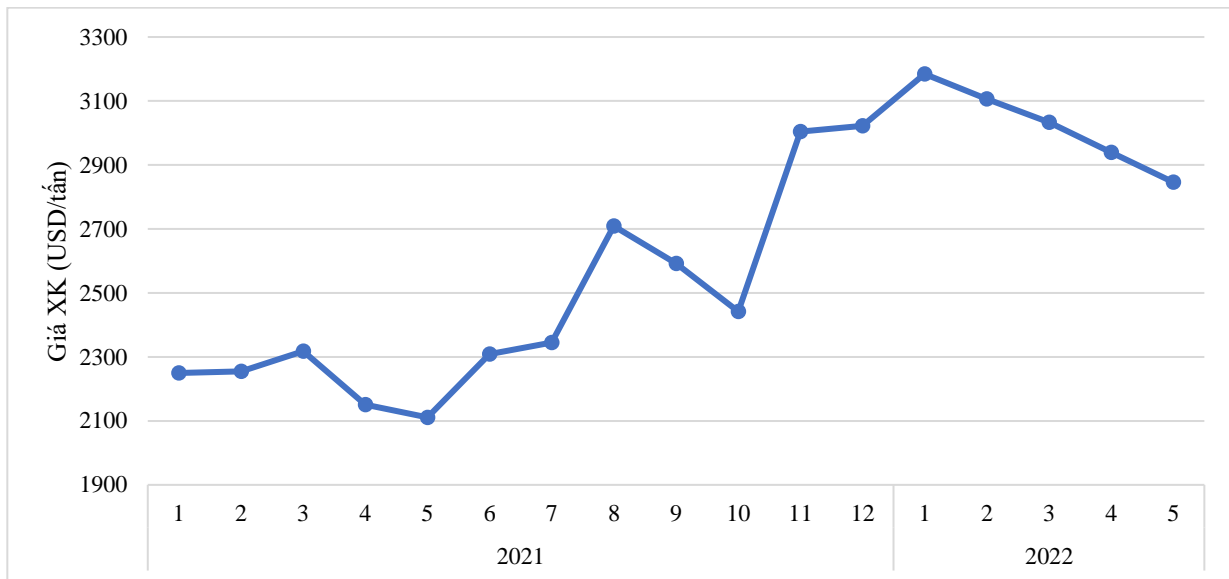
**Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 05/2022 đạt 2.846 USD/tấn, giảm 3,2% so với tháng trước nhưng tăng 34,8% so với cùng kỳ năm trước.

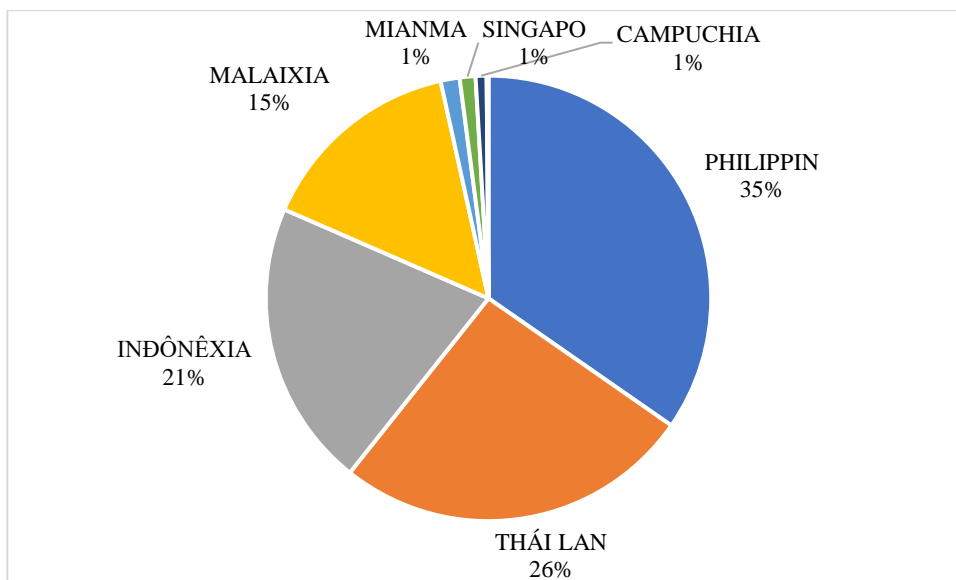
**Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 05/2022, Philippines là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 14,7 triệu USD, chiếm 34,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Thái Lan là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 11,0 triệu USD, chiếm 26,0%. Tiếp theo là Indonesia, Malaysia và Myanma chiếm lần lượt 20,8%, 15,0% và 1,4% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

**Hình 8. Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN**

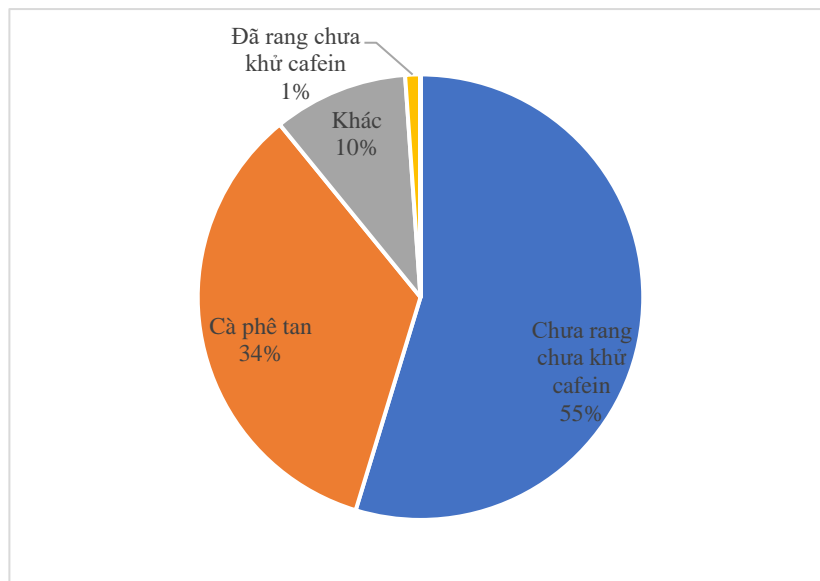


*Nguồn: Tổng cục Hải Quan*

Trong tháng 05/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 23,1 triệu USD, chiếm 54,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 14,6 triệu USD, chiếm 34,4% tổng

giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,1% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

**Hình 9. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang ASEAN**

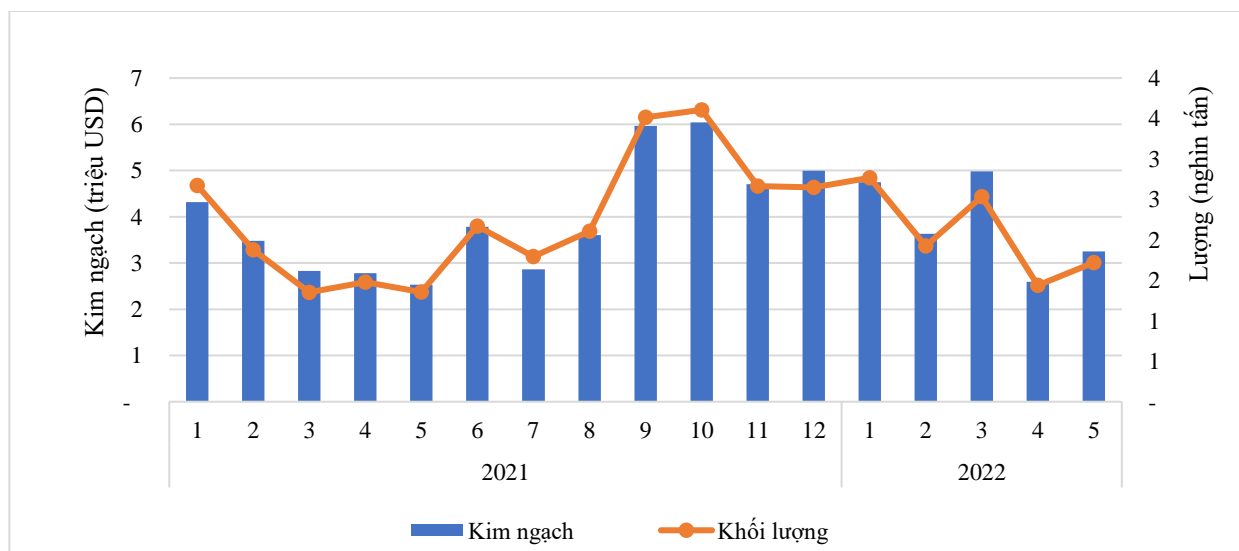


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

#### 4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2022, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 1,7 nghìn tấn với trị giá 3,2 triệu USD, tăng 19,4% về khối lượng và 25,3% về giá trị so với tháng trước, và tăng 26,7% về khối lượng và 28,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

**Hình 10. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN**



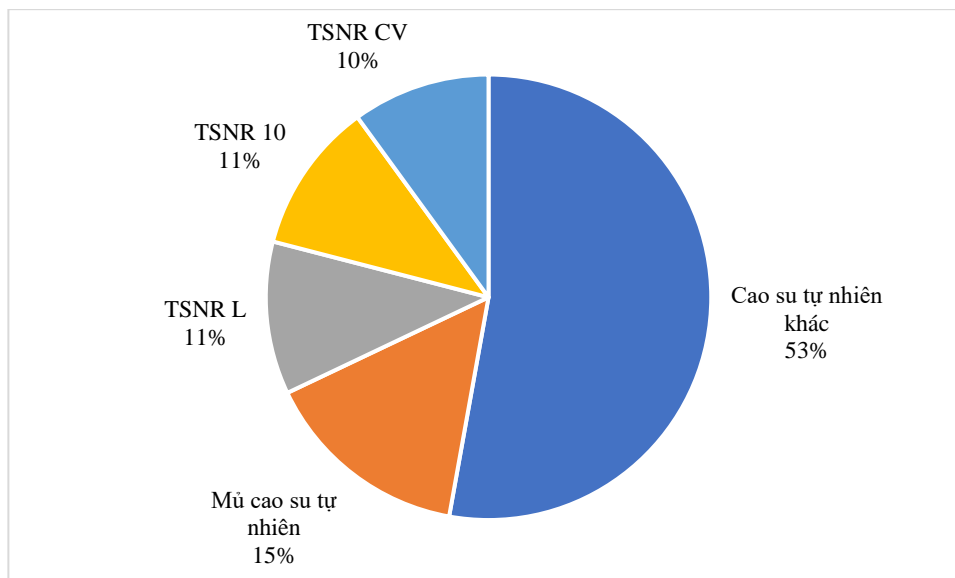
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 05/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 412,2 nghìn USD,



chiếm 15,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR L với kim ngạch 302,6 nghìn USD, chiếm 11,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 chiếm 11,0% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

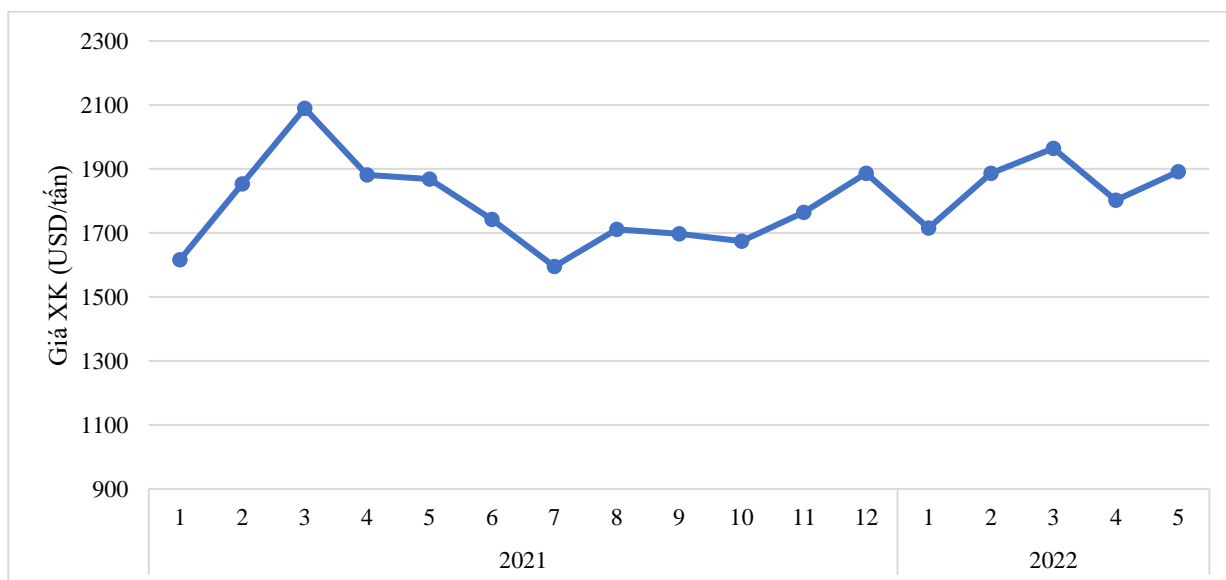
**Hình 11. Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 5/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN đạt mức 1.892 USD/tấn trong tháng 05/2022, tăng 4,9% so với tháng trước và 1,2% so với cùng kỳ 2021.

**Hình 12. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN**

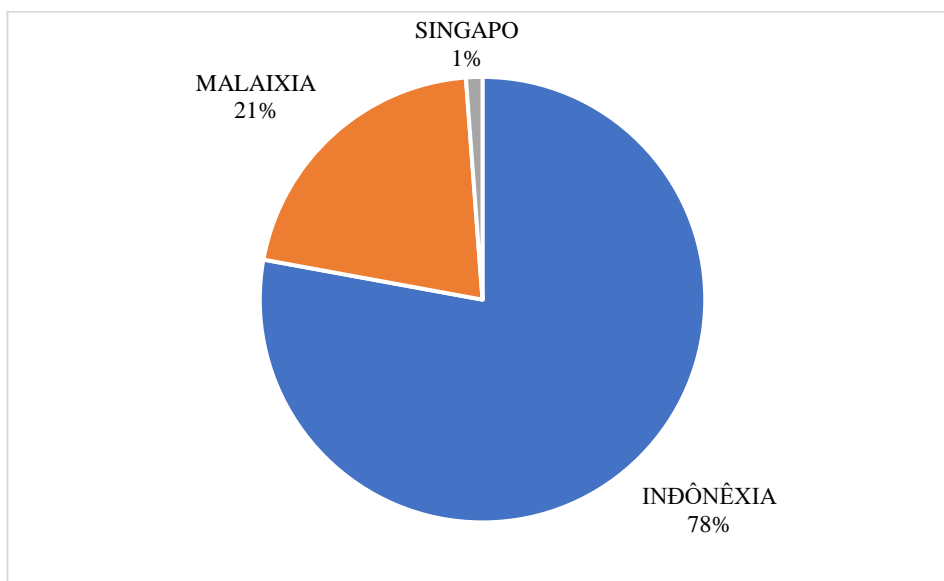


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong khối ASEAN, tháng 05/2022, Indonesia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 2,5 triệu USD, chiếm 77,9% tổng kim ngạch xuất khẩu

cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 680,3 nghìn USD, chiếm 20,9%.

**Hình 13. Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN**

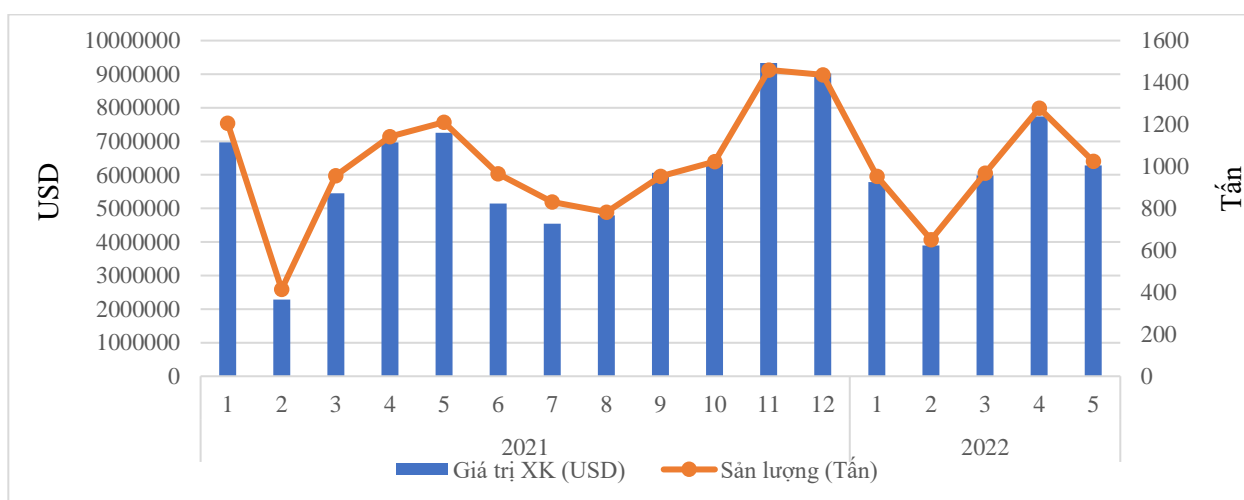


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 5. ĐIỀU

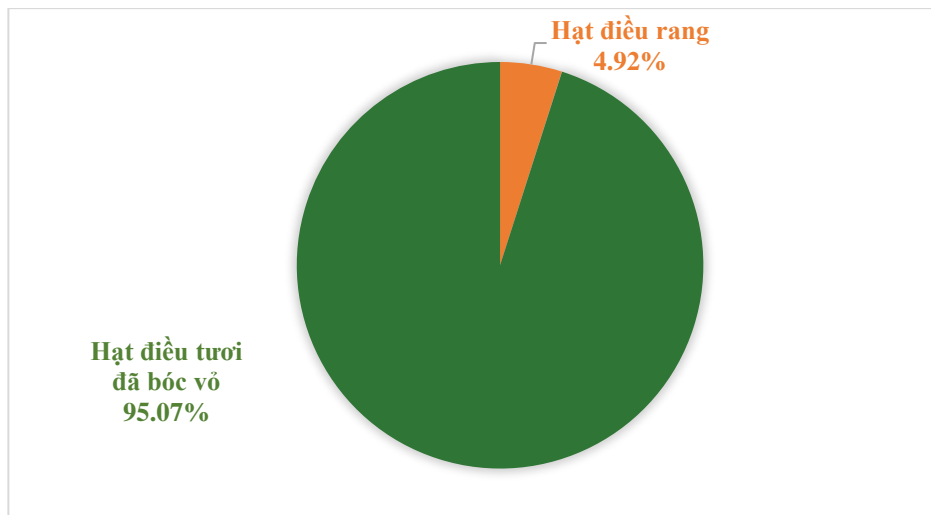
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1.025 tấn điều, trị giá 6,28 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 18,9% về khối lượng và 19,8% về giá trị so với tháng trước; giảm 13,4% về khối lượng và 15,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN**



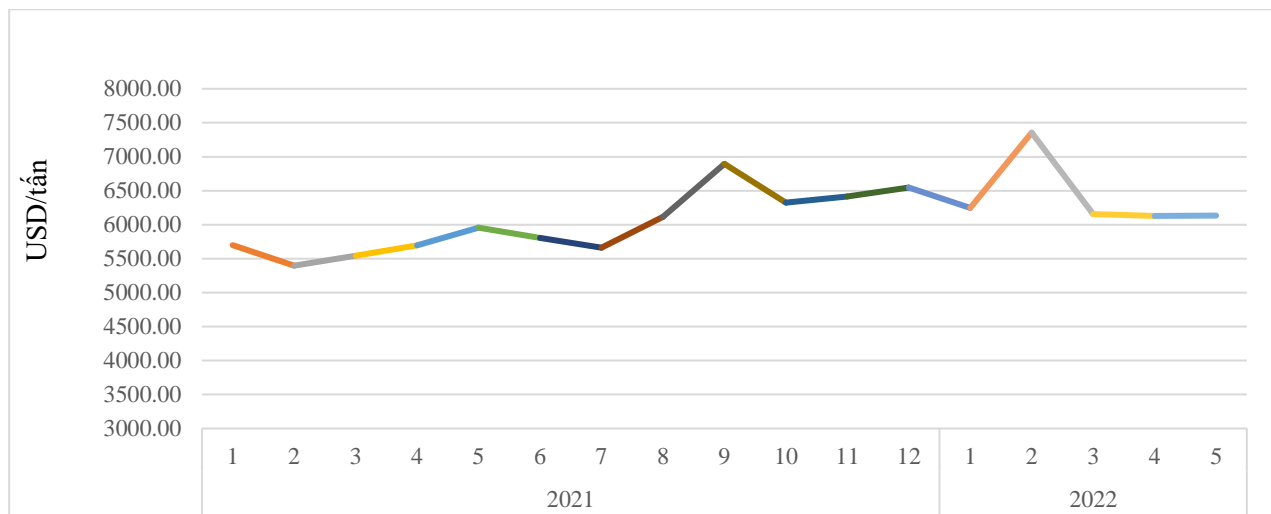
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 5/2022, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 95,07%, tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này, đạt 7,8 triệu USD, giảm 17,2% so với tháng trước và 0.7% so với cùng kỳ năm trước. Hạt điều rang chỉ chiếm khoảng 4,92%, đạt 0,4 triệu USD, giảm 25,7% so với tháng trước nhưng tăng 150,6% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN**

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường ASEAN tăng mạnh so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong tháng 5/2022 đạt 5.911 nghìn USD/tấn, tăng 4,8% so với tháng trước nhưng tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước.

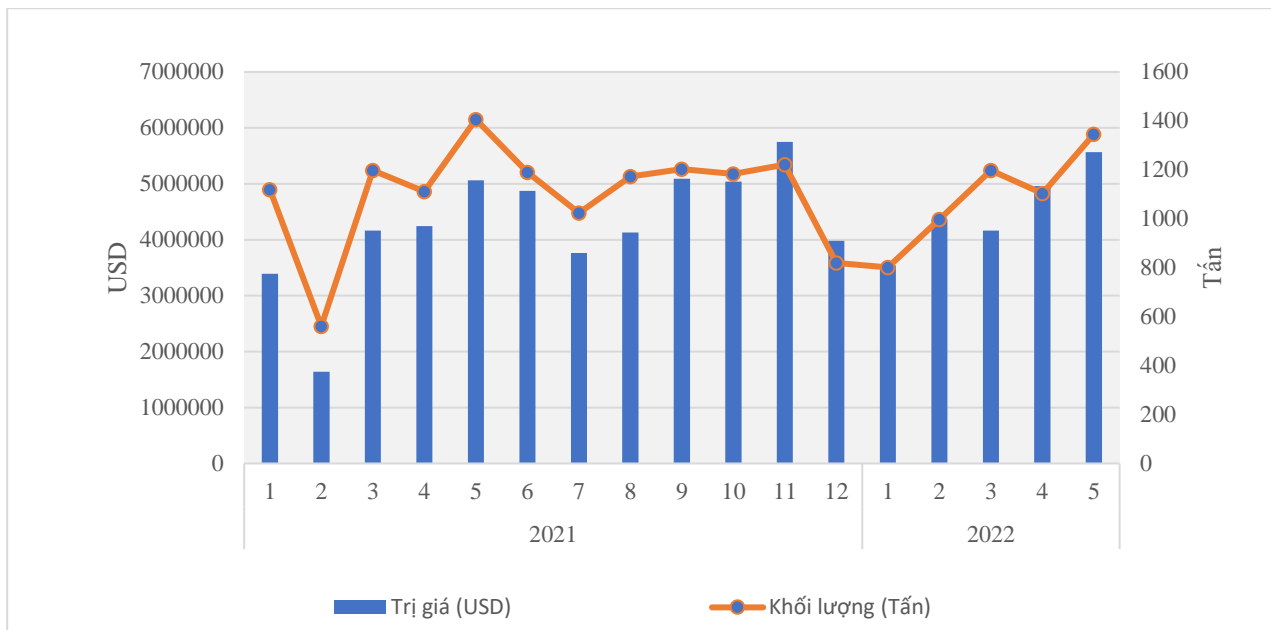
**Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường ASEAN tăng trở lại trong tháng 5/2022, sản lượng xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này đạt 1.345 tấn hồ tiêu với trị giá 5,56 triệu USD, về khối lượng tăng 21,06% so với tháng trước và giảm 4,34% so với năm trước, về giá trị tăng 31,23% so với tháng trước và 9,95% so với năm trước.

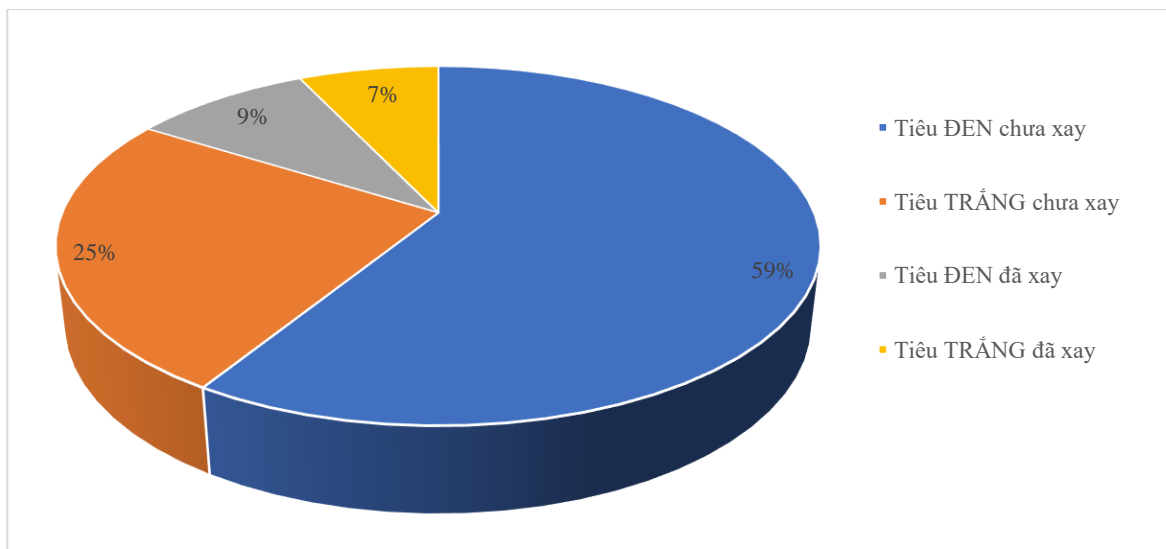
**Hình 17. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

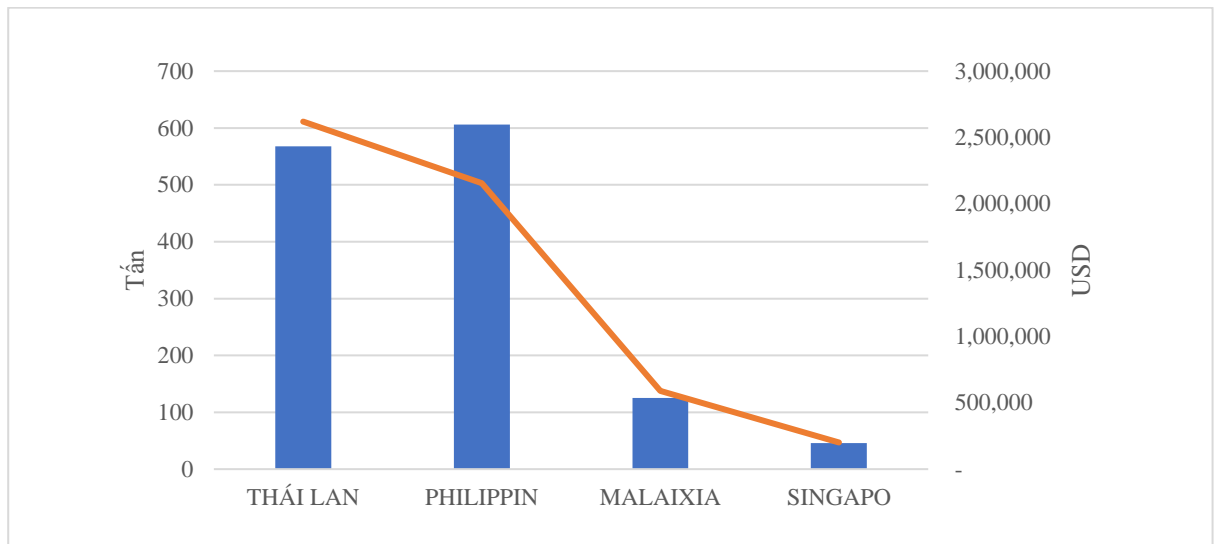
Trong tháng 5/2022, tiêu đen chưa xay vẫn tiếp tục là loại sản phẩm chính của Việt Nam sang ASEAN, chiếm 59% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 3,75% so với năm trước và 0,49% so với tháng trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 25%, tăng 50,96% so với tháng trước và 77,4% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 5/2022**



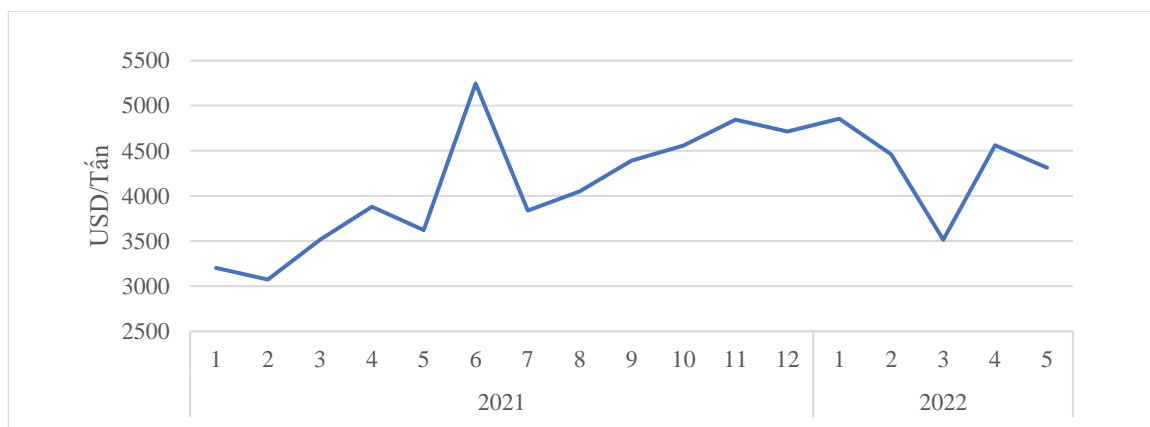
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN trong tháng 5/2022 là Thái Lan với 568 nghìn tấn, đạt 2,6 triệu USD (chiếm 47,1%), đứng thứ 2 là Phillipin với 606 nghìn tấn, đạt 2,1 triệu USD (chiếm 38,7%). Thấp nhất là Singapo với 46 tấn, 201 nghìn USD (chiếm 3,6%).

**Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam thị trường ASEAN tháng 5/2022**

*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 5/2022 giảm nhẹ về mức 4.315 USD/tấn, tăng 11,2% so với tháng trước và tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 20. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN**

*Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam*

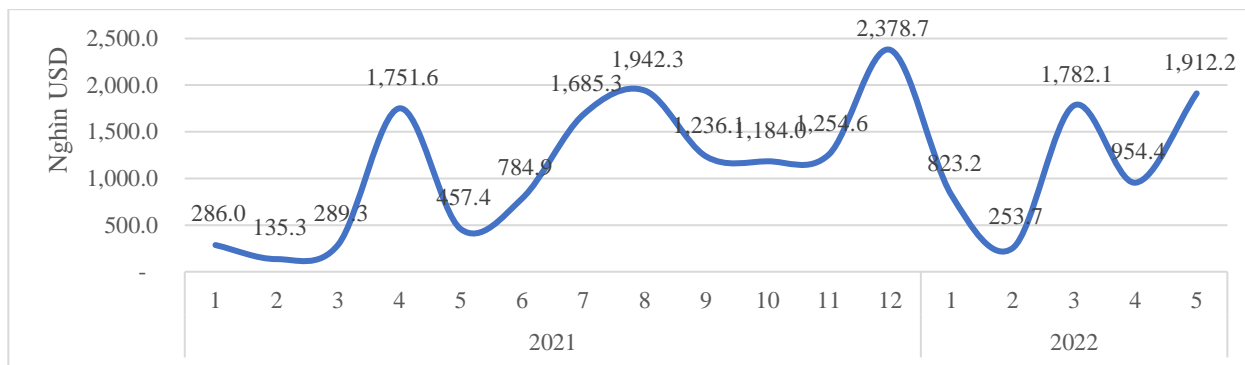
## 7. THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT

Nhập khẩu thịt heo của Philippines trong năm nay có thể tăng 2,71% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 341.000 tấn để giải quyết sự thiếu hụt nguồn cung trong nước do dịch ASF gây ra, FAO cho biết trong một báo cáo triển vọng nửa năm. Tình trạng tái đàn chậm của các trang trại nuôi heo sau sự lây lan của virus ASF đã thúc đẩy quốc gia Đông Nam Á tăng nhập khẩu. “Nhập khẩu của Philippines được dự báo sẽ tăng khoảng 3%, do sự phục hồi chậm hơn so với dự đoán của đàn heo trong nước từ virus ASF”, FAO cho hay. Bất chấp triển vọng khá lạc quan về sự phục hồi đàn heo của Philippines, FAO dự báo rằng sản lượng heo địa phương của nước này sẽ tăng nhẹ trong

năm nay lên 1,192 triệu tấn so với mức 1,118 triệu tấn của năm ngoái. Tổng lượng heo cho giết mổ ước tăng nhẹ lên 1.531 tấn so với 1.518 tấn của năm 2021.

Trong tháng 5/2022, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN có xu hướng tăng giảm mạnh so với tháng trước đạt 1,9 triệu USD, tăng 318,1 so với cùng kỳ năm trước, và 100,4% so với tháng trước.

**Hình 21. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN**

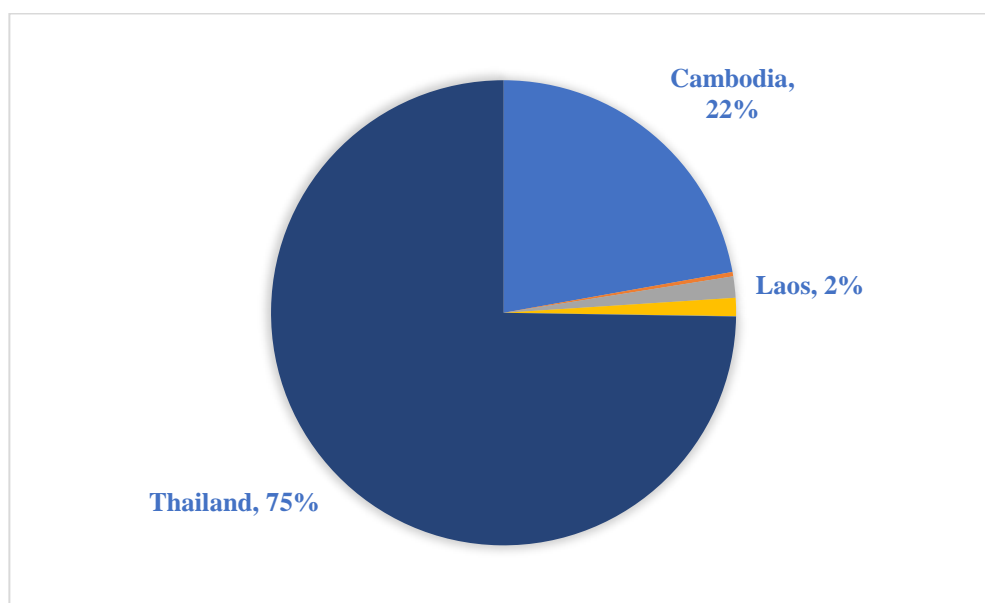


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh là sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 5/2022, chiếm tới 71,5%, đạt 1,3 triệu USD; lợn sống đạt 220,9 nghìn USD, chiếm 11,6%; gia cầm sống đạt 186,3 nghìn USD, chiếm 9,7%; thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v) đạt 63,3 nghìn USD, chiếm 1,2%...

Trong tháng 5/2022, Thái Lan là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 1,4 triệu USD chiếm 74,7% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Campuchia đạt 424,3 nghìn USD chiếm 22,2%.

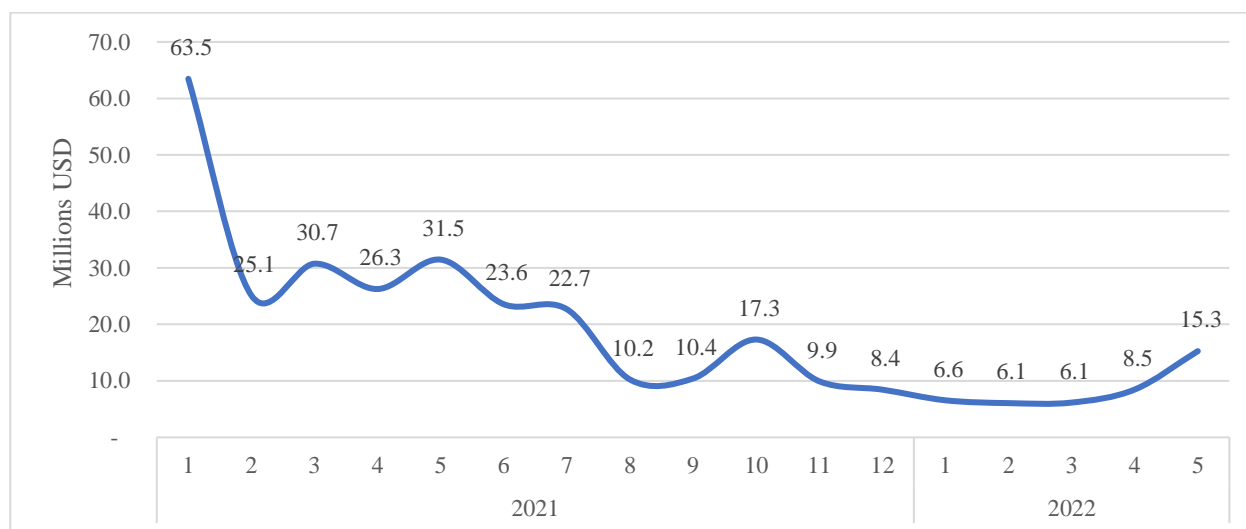
**Hình 22. Cơ cấu giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN tháng 5/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 5/2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 15,3 triệu USD sản phẩm thịt và động vật sống từ các nước ASEAN, giảm 51,5% so cùng kỳ năm trước, nhưng tăng 80,3% so với tháng trước. Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 5/2022 vẫn là trâu bò sống chiếm tới 84% đạt 12,8 triệu USD; gia cầm sống chiếm 13,7%, đạt hơn 2,1 triệu USD.

**Hình 23. Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

FAO cho biết Philippines sẽ là nhà nhập khẩu thịt heo lớn thứ 7 trên thế giới, trong khi Trung Quốc vẫn là người mua thịt heo hàng đầu thế giới với 3,854 triệu tấn. Cơ quan này cũng dự tổng lượng thịt nhập khẩu của Philippines trong năm nay có thể tăng 1,4% lên 948.000 tấn từ 935.000 tấn của năm ngoái. Trong khi đó, sản lượng thịt địa phương của nước này trong 2022 có thể tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước lên 2,823 tấn

## 8. THỦY SẢN

Giá cá ngừ vằn nguyên liệu thô giao cho các nhà máy chế biến tại Thái Lan giảm, trong khi tại Ê-cu-a-đo vẫn ổn định. Giá CFR cá ngừ vằn giao tại Băng Cốc, Thái Lan trong tháng 5/2022 đã giảm khoảng 100 USD/tấn so với tháng 4/2022, xuống còn 1.800 USD/tấn. Giá cá ngừ vằn giao tại tàu (Ex-vessel) tại Manta, trung tâm chế biến chính tại Ê-cu-a-đo, ổn định ở mức 1.800 – 1.850 USD/tấn. Giá cá ngừ vằn tại Thái Lan giảm do sản lượng đánh bắt tại khu vực Tây Thái Bình Dương đang ở mức tốt, nên lượng cá ngừ cập cảng Băng Cốc cao. Tuy nhiên, với lệnh cấm đánh bắt bằng thiết bị dẫn dụ cá (FADs) sắp có hiệu lực vào đầu tháng 7/2022 và chi phí đầu vào tăng quá nhiều, giá cá ngừ nhiều khả năng sẽ tăng. Hiện các tàu tại khu vực Đông Nhiệt đới Thái Bình Dương còn 2 tháng để hoạt động cho tới khi lệnh cấm “veda” đầu tiên có hiệu lực. Một nửa đội tàu sẽ tạm ngưng hoạt động trong thời gian áp dụng lệnh cấm đầu tiên này.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 5/2022 đạt 70,2 triệu, tăng 41,3% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 6,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tính hết 5 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 311 triệu USD, tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 24. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 2021-2022**

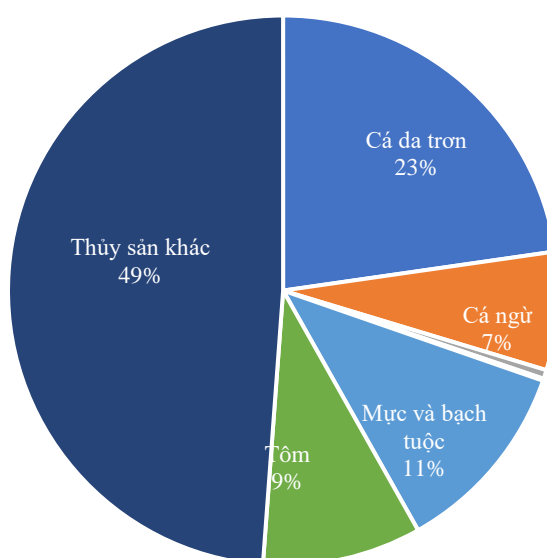
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 5/2022, chiếm 22,7% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 11,5%; tôm chiếm 9,3%.

**Hình 25. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 5/2022**

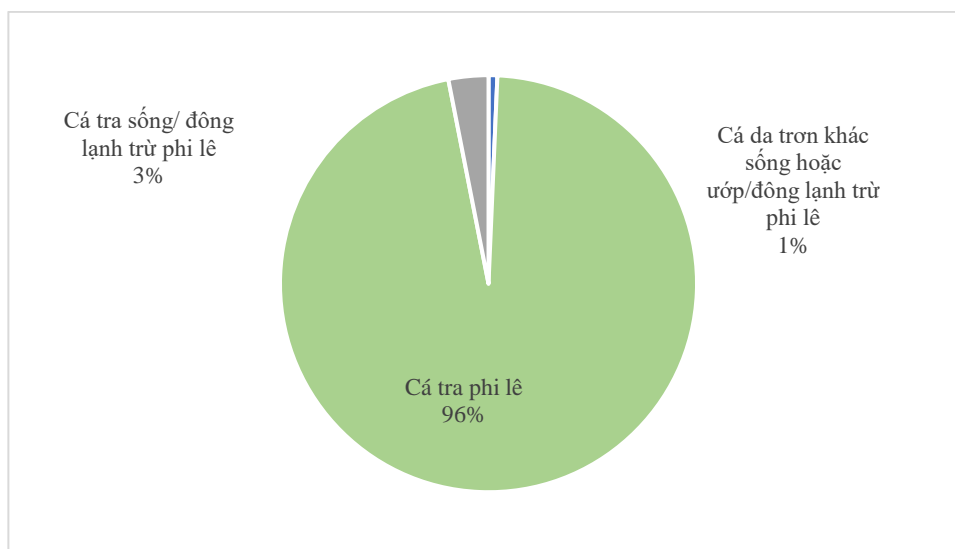


Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan



Tháng 5/2022, cá da trơn vẫn giữ được đà tăng trưởng tại thị trường này so với cùng kỳ năm trước nhưng có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước, đạt 16 triệu USD, tăng 70,5% so với cùng kỳ năm trước, và giảm 5,3% so với tháng 4/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 15,4 triệu USD, chiếm 96,2% tăng 69,9% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,5 triệu USD, chiếm 3,1%, tăng 61,6%; cá da trơn khác đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,7% và tăng 448,5%.

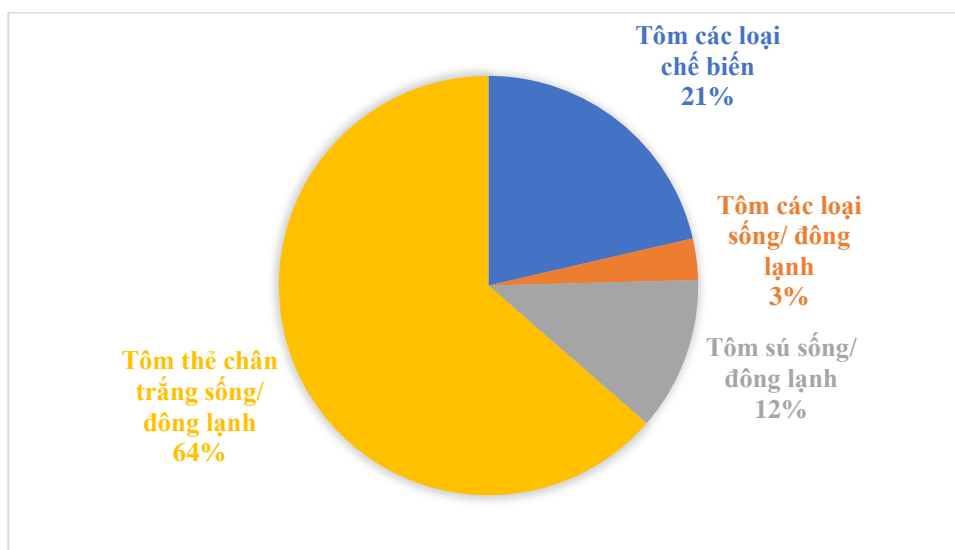
**Hình 26. Cơ cấu cá tra xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 5/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Tháng 5/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt 6,6 triệu USD. Trong đó, tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 4,2 triệu USD, chiếm 63,5% tổng giá trị sản phẩm tôm, tăng 138,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1,4 triệu USD, chiếm 21,4%, tăng 11,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,8 triệu USD, chiếm 11,8%, giảm 19,3%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,2 triệu, chiếm 3,2%, tăng 18,4%.

**Hình 27. Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 5/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 5/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 8,1 triệu USD, chiếm 11,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2021; cá ngừ đạt 4,9 triệu USD, chiếm 6,9%, tăng 15%; cá rô phi đạt 0,4 triệu USD, chiếm 0,5%, tăng 43,6%; cua ghe đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,1%, giảm 54,7%; thủy sản khác đạt 34,4 triệu USD, chiếm 48,8% và tăng 37,9%.

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 5 sang thị trường này đạt 2,2 USD/kg, tăng 44,1% so với cùng kỳ năm 2021; cá rô phi đạt 2,4 USD/kg, tăng 39,5%; tôm đạt 5,8 USD/kg, giảm 15,4%.

**Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 5/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,2	44,1%	0,4%
2	Cá rô phi	2,4	39,5%	10,4%
3	Cua, ghe	5,4	-18,1%	2,6%
4	Mực và bạch tuộc	8,3	4,4%	4,7%
5	Tôm	5,8	-15,4%	1,0%

*Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan*

## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Rau quả

Theo đại diện Thương vụ Việt Nam tại Malaysia chia sẻ tại phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường RCEP do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại các thị trường thành viên Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tổ chức ngày 8/6/2022, Malaysia đã gỡ lệnh cấm nhập khẩu ớt Việt Nam từ tháng 4-2021. Tuy nhiên, nếu muốn nhập khẩu vào Malaysia thì trái ớt của Việt Nam phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT xác nhận các khu canh tác ớt riêng, đủ đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng ớt tại Malaysia và Trung Quốc rất lớn. Các đơn đặt hàng, nhu cầu tiêu thụ đặc biệt sản phẩm ớt đến Thương vụ nhiều nhưng chưa tìm được nguồn cung tại Việt Nam đáp ứng đủ yêu cầu của Malaysia. Do đó các doanh nghiệp và người trồng ớt nên liên hệ với Bộ NN&PTNT để triển khai sớm.

### 2. Điều

Theo số liệu Tổng cục Hải quan mới công bố, tháng 4 cả nước nhập khẩu 255.285 tấn hạt điều, kim ngạch 373,4 triệu USD, giảm 22,6% về lượng và giảm 26,1% về kim ngạch so với tháng trước. Đáng chú ý, 4 tháng qua, Campuchia chiếm vị thế áp đảo về lượng hạt điều nhập khẩu với 555.094 tấn, kim ngạch 845,8 triệu USD, chiếm 76,2% về lượng và 76,75% kim ngạch nhóm hàng này của cả nước. Tuy nhiên, so với cùng kỳ 2021, lượng hạt điều nhập khẩu từ Campuchia cũng giảm mạnh (cùng kỳ năm ngoái đạt 835.375 tấn, kim ngạch gần 1,4 tỷ USD). Nhìn chung, lượng điều nhập khẩu từ các thị trường lớn đều giảm so với cùng kỳ 2021.

### 3. Cao su

Theo Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), trong tháng 5/2022, nguồn cung cao su tự nhiên toàn cầu tiếp tục cải thiện, với sản lượng đạt 991 nghìn tấn, tăng 5,3% so với tháng 4/2022; trong khi nhu cầu ước tính đạt 1,189 triệu tấn. Do đó nguồn cung thiếu hụt khoảng 198 nghìn tấn. ANRPC dự báo nguồn cung cao su toàn cầu tiếp tục thiếu hụt so với nhu cầu trong các năm tới.

## PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 5/2022

Sản phẩm	Tháng 5/ 2022 (USD)	Tăng /giảm so T4/2022	Tăng /giảm so T5/2021	Tỷ trọng
Cà phê	42.309.550	38,34%	10,49%	9%
Cao su	3.249.939	25,29%	28,26%	1%
Chè	1.046.721	17,50%	35,19%	0%
Gạo	197.080.117	46,68%	37,04%	40%
Gỗ và sản phẩm gỗ	27.455.700	-11,54%	25,95%	6%
Hàng rau quả	27.757.872	21,80%	60,88%	6%
Hàng thủy sản	69.774.864	6,50%	41,64%	14%
Hạt điều	6.280.616	-18,86%	-13,41%	1%
Hạt tiêu	5.566.573	12,30%	9,80%	1%
Phân bón các loại	69.103.124	7,25%	151,39%	14%
Sản phẩm từ cao su	6.301.515	-21,62%	-11,68%	1%
Sắn và các sản phẩm từ sắn	662.967	-69,69%	22,74%	0%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	34.878.345	38,10%	36,00%	7%
<b>Tổng</b>	<b>491.467.903</b>	<b>22,75%</b>	<b>41,69%</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 5/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 5/2021		Tháng 5/2022		So sánh 2022/2021(%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	139.159	72.793.223	257.832	119.003.989	85,3%	63,5%
2	Gạo thơm	112.673	60.409.682	129.046	61.706.094	14,5%	2,1%
3	Các loại gạo khác	26.325	13.691.038	40.378	20.351.649	53,4%	48,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang ASEAN tháng 5/2022**

TT	Sản phẩm	Tháng 5/2021	Tháng 5/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T1.2022/2021
<b>Tổng giá trị XK</b>		<b>17.883.086</b>	<b>28.294.191</b>	<b>58,2%</b>
	Chanh	3.288.493	6.902.906	109,9%
	Sầu riêng	536.837	4.956.455	823,3%
	Ớt	1.481.676	4.500.350	203,7%
	Dừa	2.544.122	1.545.686	-39,2%
	Khoai lang	2.306.595	1.336.803	-42,0%
	Chuối	621.842	688.708	10,8%
	Thanh long	1.033.983	645.316	-37,6%
	Khác	6.069.537	7.717.967	27,2%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5. Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 5/2022**

Mặt hàng	T52021 (USD)	T52022 (USD)	So sánh T4/2021 và T3/2022
Chưa rang chưa khử cafein	21.626.235	23.143.216	7,01%
Cà phê tan	15.321.979	14.560.196	-4,97%
Khác	1.245.973	4.137.232	232,05%
Đã rang chưa khử cafein	187.847	457.848	143,73%
Chưa rang đã khử cafein		8.439	
Đã rang đã khử cafein	4.839	1.468	-69,66%
<b>Tổng</b>	<b>38.386.873</b>	<b>42.308.398</b>	<b>10,22%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 5/2022**

<b>Loại sản phẩm</b>	<b>Tháng 5/2022 (USD)</b>	<b>Tháng 5/2021 (USD)</b>	<b>So sánh 2022/21 (%)</b>
Cá da trơn	15.982.433,1	9.375.313,3	70,5%
Cá ngừ	4.882.874,0	4.246.526,0	15,0%
Cá rô phi	368.439,9	256.591,5	43,6%
Cua, ghẹ	85.432,0	188.557,5	-54,7%
Mực và bạch tuộc	8.100.087,1	6.754.897,0	19,9%
Tôm	6.567.808,8	4.143.871,2	58,5%
Thủy sản khác	34.337.560,9	24.801.061,9	38,5%
<b>Tổng</b>	<b>70.324.635,8</b>	<b>49.766.818,4</b>	<b>41,3%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*